

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ HÒA THÀNH  
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 53/2022/DS-ST  
Ngày 30 tháng 6 năm 2022  
Về việc “*Tranh chấp hợp đồng  
vay tài sản và đòi tài sản*”.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HÒA THÀNH, TỈNH TÂY NINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà PHẠM NGỌC GIÀU

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông TRẦN VĂN THẠCH

2/ Bà DƯƠNG THỊ TU

**- Thư ký phiên tòa:** Ông HOÀNG KIM ANH - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Hòa Thành.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:** Bà NGUYỄN THỊ BÍCH DU - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Hòa Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 76/2020/TLST-DS ngày 10 tháng 3 năm 2020 về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và đòi tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2022/QĐST-DS ngày 01 tháng 3 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số: 11/2022/QĐST-DS ngày 16 tháng 3 năm 2022; Thông báo về việc không mở được phiên tòa số: 47/2022/TB-TA ngày 15 tháng 4 năm 2022 và Thông báo mở lại phiên tòa số: 50/2022/TB-TA ngày 13 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Bà **Nguyễn Thị A**, sinh năm 1977

Địa chỉ: Số 05, tổ 11, khu phố 1, phường 1, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt – có đơn xin xét xử vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà **B**, sinh năm 1977; Địa chỉ: Số 9D, đường Q, khu phố 5, phường 3, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt – có đơn xin xét xử vắng mặt).

**2. Bị đơn:** Chị **Nguyễn Thị C**, sinh năm 1995

Địa chỉ: Số 45, tổ 6, ấp L, xã T, thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh (có mặt).

\* Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của chị C: Luật sư D – Công ty Luật hợp danh Tạ Nguyệt Thanh thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Bạc Liêu - Chi nhánh Tây Ninh.

**3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- Bà **E**, sinh năm 1972; Địa chỉ: Số 45, tổ 6, ấp L, xã T, thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh (có mặt).

- Ông **Nguyễn H**, sinh năm 1966 (vắng mặt) và bà **Võ Thị Hồng J**, sinh năm 1982 (vắng mặt – có đơn xin xét xử vắng mặt); Cùng địa chỉ: Số 493 đường Trần Phú, TTQ20, tổ 6, ấp Trường Huệ, xã T, thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Theo đơn khởi kiện ngày 06 tháng 3 năm 2020 và lời trình bày của nguyên đơn bà Nguyễn Thị A trong quá trình thu thập chứng cứ thể hiện như sau:***

Ngày 01/02/2020 (dương lịch) bà A có cho chị Nguyễn Thị C vay số tiền là 1.200.000.000 đồng (một tỷ hai trăm triệu đồng), thời hạn vay là 05 ngày, lãi suất vay là 3% tháng, mục đích vay tiền là để đáo hạn Ngân hàng, hai bên có viết giấy mượn tiền vào ngày 01/02/2020. Khi vay tiền chị C có thể chấp cho bà A 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS06039 cấp ngày 07/02/2020 do chị Nguyễn Thị C đứng tên; 01 giấy chứng minh nhân dân tên Nguyễn Thị C, 01 hộ chiếu tên Nguyễn Thị C và 01 sổ hộ khẩu gia đình chủ hộ tên E. Từ khi vay tiền đến nay chị C không đóng lãi và trả tiền vay cho bà A. Nay bà A khởi kiện yêu cầu chị C phải trả số tiền vay gốc là 1.200.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi suất theo quy định. Bà A đồng ý trả lại cho chị C toàn bộ giấy tờ mà chị C đã thế chấp khi vay tiền.

***\* Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà B trình bày:***

Bà B đại diện cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị A yêu cầu chị Nguyễn Thị C phải trả cho bà A số tiền vay gốc là 1.200.000.000 đồng (một tỷ hai trăm triệu đồng) và yêu cầu tính lãi suất vay theo quy định của pháp luật.

***\* Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn chị Nguyễn Thị C trình bày:***

Chị C không có quen biết gì với bà A, chị C không có vay tiền của bà A và chị không có thể chấp giấy tờ gì cho bà A. Chị C thừa nhận có ký tên giấy mượn tiền ngày 01/02/2020 (dương lịch) số tiền là 1.200.000.000 đồng nhưng chị ký nhận nợ với ông H, bà J, vì mẹ chị là bà E có vay của ông H, bà J nhiều lần số tiền tổng cộng 1.019.000.000 đồng (một tỷ không trăm mười chín triệu đồng), nhưng vợ chồng ông H, bà J bắt buộc chị phải ký giấy nợ là 1.200.000.000 đồng (một tỷ hai trăm triệu đồng). Chị C không ký nhận nợ tiền bà A, hiện tại bà A đang giữ 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do chị Nguyễn Thị C đứng tên; 01 hộ chiếu tên Nguyễn Thị C; 01 giấy chứng minh nhân dân tên Nguyễn Thị C và 01 sổ hộ khẩu gia đình chủ hộ tên E, những giấy tờ này là do mẹ chị giao cho bà J để làm thủ tục sang tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ mẹ chị là bà E sang tên cho chị. Lý do sang tên là vì mẹ chị thuộc diện nợ xấu của Ngân hàng nên không vay tiền được để trả cho ông H, bà J, do đó ông H, bà J hướng dẫn là phải chuyển tên từ mẹ chị sang tên chị mới vay tiền được. Chị C không đồng ý trả nợ theo yêu cầu của bà A.

Chị C khởi kiện yêu cầu ông H, bà J phải trả lại toàn bộ các giấy tờ gồm: 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (bản chính) do chị Nguyễn Thị C đứng tên; 01 hộ chiếu tên Nguyễn Thị C (bản chính); 01 giấy chứng minh nhân dân tên Nguyễn Thị C (bản chính) và 01 sổ hộ khẩu gia đình (bản chính) chủ hộ tên E.

***\* Tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà E trình bày:***

Bà E thống nhất với lời trình bày của chị C. Bà E không biết bà A là ai và bà E cũng không có vay tiền của bà A. Bà E có vay của ông H, bà J nhiều lần số tiền 1.019.000.000 đồng (một tỷ không trăm mười chín triệu đồng) nhưng ông H, bà J bắt buộc con gái bà là Nguyễn Thị C phải ký giấy nợ là 1.200.000.000 đồng (một tỷ hai trăm triệu đồng), con gái bà là C có ký tên giấy mượn tiền ngày 01/02/2020 (dương lịch)

nhưng bà E là người vay tiền của ông H, bà J, chị C không có vay tiền của ông H, bà J. Bà A đang giữ 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do C đứng tên; 01 hộ chiếu; 01 giấy chứng minh nhân dân đều do C đứng tên và 01 sổ hộ khẩu gia đình chủ hộ tên E, những giấy tờ này là do bà giao cho bà J để làm thủ tục sang tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ tên bà sang tên cho con là C, sau khi làm xong giấy tờ thì bà J giữ luôn không trả lại cho bà. Bà E không đồng ý với yêu cầu của bà A.

***\* Theo bản tự khai ngày 03 tháng 06 năm 2020 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị Hồng J trình bày:***

Bà J và chồng là ông H không liên quan đến giao dịch vay tiền giữa bà Nguyễn Thị A và chị Nguyễn Thị C và bà J cũng không có giữ giấy tờ gì của chị C nên bà J không có chứng cứ hay lời khai nào để cung cấp cho Tòa án. Bà J yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt bà trong suốt quá trình tố tụng.

***\* Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn Nguyễn Thị C - Luật sư D trình bày:***

Chị Nguyễn Thị C không có vay tiền của bà Nguyễn Thị A nên chị C không đồng ý trả nợ theo yêu cầu của bà A và yêu cầu bà A phải trả lại toàn bộ giấy tờ gồm: 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do chị Nguyễn Thị C đứng tên; 01 hộ chiếu tên Nguyễn Thị C; 01 giấy chứng minh nhân dân tên Nguyễn Thị C và 01 sổ hộ khẩu gia đình chủ hộ tên E và 01 giấy xác nhận số CMND của chị C cho ông H, bà J, sau đó ông H, bà J có trách nhiệm trả lại chị C.

***Ý kiến của đương sự tại phiên tòa:***

Chị C không đồng ý trả nợ theo yêu cầu của bà A. Chị C yêu cầu ông H, bà J phải trả toàn bộ giấy tờ gồm: 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do chị Nguyễn Thị C đứng tên; 01 hộ chiếu tên Nguyễn Thị C; 01 giấy chứng minh nhân dân tên Nguyễn Thị C và 01 sổ hộ khẩu gia đình chủ hộ tên E.

***Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hòa Thành:***

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều đúng theo quy định Bộ luật tố tụng dân sự, Tuy nhiên, Thẩm phán còn vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định tại Điều 203 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị A đối với chị Nguyễn Thị C. Buộc chị Nguyễn Thị C có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị A số tiền vay 1.200.000.000 đồng và tiền lãi suất theo quy định. Bà Nguyễn Thị A có nghĩa vụ trả cho chị Nguyễn Thị C 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS06039 cấp ngày 07/02/2020 do chị Nguyễn Thị C đứng tên; 01 sổ hộ khẩu do bà E đứng tên chủ hộ; 01 chứng minh nhân dân và 01 hộ chiếu mang tên Nguyễn Thị C.

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị C đối với bà ông Nguyễn H và bà Võ Thị Hồng J.

- Về án phí: Tính án phí theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bà Nguyễn Thị A khởi kiện bà Nguyễn Thị C yêu cầu trả số tiền vay và lãi suất. Chị Nguyễn Thị C khởi kiện ông Nguyễn H và bà Võ Thị Hồng J đòi lại tài sản là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Xét thấy các vụ án có liên quan với nhau và việc giải quyết trong cùng một vụ án đảm bảo đúng pháp luật nên căn cứ khoản 1 Điều 42 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án ra quyết định nhập vụ án số 02/2020/QĐ-NVA ngày 05/6/2020.

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị A và người đại diện theo ủy quyền là bà B; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị Hồng J có đơn xin xét xử vắng mặt. Ông H là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không đến dự phiên tòa. Căn cứ khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà A, bà B, bà J và ông H.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Bà A khởi kiện yêu cầu chị C trả số tiền vay gốc và lãi. Chị C khởi kiện yêu cầu ông H, bà J phải trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; 01 chứng minh nhân dân; 01 hộ chiếu; 01 sổ hộ khẩu gia đình. Do đó, xác định đây là quan hệ tranh chấp về hợp đồng vay tài sản được quy định tại Điều 463 và đòi lại tài sản được quy định tại Điều 166 của Bộ luật dân sự.

[3] Về nội dung vụ án:

Bà Nguyễn Thị A có cho chị Nguyễn Thị C vay số tiền là 1.200.000.000 đồng (một tỷ hai trăm triệu đồng), theo giấy mượn tiền ngày 01/02/2020 (dương lịch), thời hạn vay là 05 ngày, mục đích vay tiền là để đáo hạn Ngân hàng. Khi vay tiền chị C có thể chấp cho bà A 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS06039 cấp ngày 07/02/2020 do chị Nguyễn Thị C đứng tên; 01 giấy chứng minh nhân dân của chị C, 01 hộ chiếu của chị C và 01 sổ hộ khẩu gia đình.

Chị Nguyễn Thị C thừa nhận có ký tên giấy mượn tiền ngày 01/02/2020 (dương lịch), số tiền vay là 1.200.000.000 đồng, khoản vay này là do mẹ chị tên là E vay của ông H và bà J chứ không phải vay của bà A, chị C không có vay tiền của bà A và cũng không có thể chấp giấy tờ gì cho bà A nên chị C không đồng ý trả nợ theo yêu cầu của bà A.

Chị Nguyễn Thị C yêu cầu ông H, bà J trả lại 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS06039 cấp ngày 07/02/2020 do chị Nguyễn Thị C đứng tên; 01 giấy chứng minh nhân dân của chị C, 01 hộ chiếu của chị C và 01 sổ hộ khẩu gia đình.

[4] Xét yêu cầu của bà Nguyễn Thị A đối với bà Nguyễn Thị C thấy rằng: Căn cứ vào giấy mượn tiền ngày 01/02/2020 (dương lịch) do bà A cung cấp, giấy mượn tiền này do bà A và chị C cùng viết và ký tên, số tiền vay là 1.200.000.000 đồng do chị C tự viết; Lý do mượn: “Đáo hạn Ngân hàng Argibank” do chị C tự viết, chữ “Đã nhận đủ số tiền” là do chị C tự viết và theo kết luận giám định số 774/KL-KTHS ngày 10/6/2021 (Chữ ký, chữ viết “Nguyễn Thị A” trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A) với chữ ký, chữ viết đứng tên Nguyễn Thị A trên các tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu M01 đến M05) là do cùng một người ký và viết ra. Như vậy có cơ sở xác định là trong giấy mượn tiền ngày 01/02/2020 (dương lịch) thì phần chữ viết bên người cho vay là do bà A tự viết và phần chữ viết bên người vay là do chị C tự viết đúng như lời trình bày của bà A và chị C tại biên bản đối chất ngày 25/11/2020. Nên căn cứ vào giấy mượn tiền ngày 01/02/2020 (dương lịch) thì bà A khởi kiện chị C yêu cầu trả lại số tiền là 1.200.000.000 đồng là có căn cứ.

[5] Việc chị Nguyễn Thị C cho rằng: Chị C không có vay tiền của bà A. Số tiền vay 1.200.000.000 đồng do chị C viết và ký tên vào giấy nợ ngày 01/02/2020, số tiền này là do mẹ chị là E vay tiền của ông H, bà J, chị C chỉ nhận nợ thay cho bà E nhưng

chị C không cung cấp được chứng cứ để chứng minh là chị C nhận nợ với ông H, bà J thay cho mẹ là bà E. Do đó, lời trình bày của chị C là không có cơ sở chấp nhận.

[6] Bà E cũng thừa nhận là chị C có ký tên giấy nợ ngày 01/02/2020 (dương lịch) số tiền là 1.200.000.000 đồng nhưng số tiền này là do bà E vay của vợ chồng bà J, ông H, chị C không có vay tiền của ông H, bà J. Những giấy tờ mà bà A đang giữ là do bà giao cho bà J để làm thủ tục sang tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ bà sang tên cho con là C nhưng theo hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho chị C do Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Tây Ninh – Chi nhánh Hòa Thành cung cấp thì không thể hiện việc ông H, bà J đi làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thay cho bà E, chị C. Do đó lời trình bày của bà E là không có cơ sở chấp nhận.

[7] Việc chị C yêu cầu ông H, bà J phải trả lại 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do chị Nguyễn Thị C đứng tên; 01 hộ chiếu tên Nguyễn Thị C; 01 giấy chứng minh nhân dân tên Nguyễn Thị C và 01 sổ hộ khẩu gia đình chủ hộ tên E. Xét thấy những giấy tờ trên chị C đã thế chấp cho bà A để vay tiền. Việc thế chấp này là không hợp pháp, hiện tại bà A đang giữ những giấy tờ trên và bà A đồng ý trả lại cho chị C, do đó không có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị C đòi lại những loại giấy tờ trên đối với ông H và bà J, mà buộc bà A phải trả lại toàn bộ giấy tờ trên cho chị C là phù hợp.

[8] Luật sư cho rằng bị đơn chị Nguyễn Thị C không có vay tiền của bà Nguyễn Thị A nên không đồng ý trả nợ theo yêu cầu của bà A là không có cơ sở chấp nhận, vì căn cứ vào giấy mượn tiền ngày 01/02/2020 (dương lịch) số tiền vay là 1.200.000.000 đồng (một tỷ hai trăm triệu đồng) là do chị C viết và ký tên, không có giấy tờ nào thể hiện là chị C ký nhận nợ với ông H, bà J. Do đó buộc chị C có nghĩa vụ trả nợ cho bà A là đúng theo quy định của pháp luật.

Việc Luật sư yêu cầu bà A phải trả lại toàn bộ giấy tờ gồm: 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do chị Nguyễn Thị C đứng tên; 01 hộ chiếu tên Nguyễn Thị C; 01 giấy chứng minh nhân dân tên Nguyễn Thị C và 01 sổ hộ khẩu gia đình chủ hộ tên E và 01 giấy xác nhận số CMND của chị C cho ông H, bà J, sau đó ông H, bà J có trách nhiệm trả lại chị C. Nhưng chị C không có giấy tờ gì thể hiện là ông H, bà J đang giữ những giấy tờ trên của chị C nên lời trình bày Luật sư là không có cơ sở chấp nhận.

[9] Xét yêu cầu tính lãi của nguyên đơn bà A thấy rằng: Bà A trình bày việc bà cho chị C vay tiền là có tính lãi nhưng bị đơn chị C không thừa nhận có vay tiền của bà A. Căn cứ vào giấy mượn tiền ngày 01/02/2020 thì đây là hợp đồng vay có thời hạn, không thỏa thuận lãi suất, thời hạn vay là 05 ngày nhưng sau thời hạn 05 ngày bị đơn chị C không trả tiền cho nguyên đơn là bà A nên bà A khởi kiện yêu cầu tính lãi là có cơ sở chấp nhận. Số tiền lãi được tính từ ngày 06/02/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm cụ thể như sau:

$1.200.000.000 \text{ đồng} \times 0.83 \% / \text{tháng} \times 28 \text{ tháng} 24 \text{ ngày} = 286.848.000 \text{ đồng}$   
(hai trăm tám mươi sáu triệu tám trăm bốn mươi tám ngàn đồng).

Tổng cộng tiền gốc và lãi là  $1.200.000.000 \text{ đồng} + 286.848.000 \text{ đồng} = 1.486.848.000 \text{ đồng}$  (một tỷ bốn trăm tám mươi sáu triệu tám trăm bốn mươi tám nghìn đồng).

Từ các phân tích trên, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà A, buộc chị C có nghĩa vụ trả cho bà A số tiền gốc và tiền lãi tính theo quy định của pháp luật.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị C đối với ông Nguyễn H và bà Võ Thị Hồng J.

Chị C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng theo quy định của pháp luật.

Quan điểm về việc giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hòa thành là có cơ sở chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng các Điều 105, 115, 166, 463, 466 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án:

**1.** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị A đối với chị Nguyễn Thị C.

Buộc chị Nguyễn Thị C có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị A số tiền gốc 1.200.000.000 đồng và tiền lãi 286.848.000 đồng, tổng cộng 1.486.848.000 đồng (một tỷ bốn trăm tám mươi sáu triệu tám trăm bốn mươi tám ngàn đồng).

**2.** Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị C đối với ông Nguyễn H và bà Võ Thị Hồng J về việc đòi lại tài sản.

**3.** Buộc bà Nguyễn Thị A có nghĩa vụ trả lại cho chị Nguyễn Thị C các giấy tờ đã thế chấp để vay tiền gồm: 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS06039 cấp ngày 07/02/2020 (bản chính) do chị Nguyễn Thị C đứng tên; 01 hộ chiếu tên Nguyễn Thị C (bản chính); 01 giấy chứng minh nhân dân tên Nguyễn Thị C (bản chính) và 01 sổ hộ khẩu gia đình chủ hộ tên E (bản chính).

*Kể từ ngày bà Nguyễn Thị A có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị Nguyễn Thị C không chịu trả số tiền trên thì hàng tháng chị C còn phải trả cho chị A số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự.*

**4.** Về án phí sơ thẩm dân sự và chi phí tố tụng:

Về án phí: Chị Nguyễn Thị C phải chịu 56.605.000 đồng tiền án phí đối với yêu cầu của bà A khởi kiện được chấp nhận và 300.000 đồng án phí về phần yêu cầu đòi lại tài sản không được chấp nhận, tổng cộng 56.905.000 đồng, khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị C đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0008542 ngày 25/2/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh nên chị C còn phải nộp 56.605.000 đồng (năm mươi sáu triệu sáu trăm lẻ năm ngàn đồng).

Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh hoàn trả cho bà Nguyễn Thị A số tiền tạm ứng án phí đã nộp 24.000.000 đồng (hai mươi bốn triệu đồng) theo biên lai thu số 0008588 ngày 09 tháng 3 năm 2020.

Về chi phí tố tụng: Chị Nguyễn Thị C phải chịu 2.040.000 đồng (hai triệu không trăm bốn mươi ngàn đồng) tiền chi phí giám định. Ghi nhận chị C đã nộp và chi phí xong.

*Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

Báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh để xét xử phúc thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bà A, bà B, ông H và bà J vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND thị xã Hòa Thành;
- Chi cục THA DS thị xã Hòa Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu trữ VP (G).

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

**Phạm Ngọc Giàu**